TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1022/2024/HC-PT
Ngày: 16 - 9 - 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính và buộc thực hiện hành vi hành chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 472/2024/TLPT-HC ngày 25 tháng 5 năm 2024 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính và buộc thực hiện hành vi hành chính".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2024/HC-ST ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2363/2024/QĐPT-HC ngày 16 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu V: Ông Huỳnh Thanh N, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: A Khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn S – Chủ tịch (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đoàn Văn H, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông H: Ông Trương Thanh H1, sinh năm 1962 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số D N, Phường A, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đoàn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu V trình bày tại Đơn khởi kiện ngày 16/10/2023 như sau:

Nguồn gốc thửa đất số 172, diện tích 1602m^2, loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An do cha mẹ chồng là ông Đoàn Văn X và bà Huỳnh Thị S1 người sử dụng. Ngày 20/12/1996, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 058815 cho ông Đoàn Văn X tổng diện tích 7.736m^2, trong đó có thửa đất số 172 nêu trên.

Vào tháng tháng 01/2006 chồng bà V là ông Đoàn Văn T chết. Đến ngày 09/12/2006 ông Đoàn Văn X - cha chồng bà V làm giấy tay cho con bà V là Đoàn Văn T1 diện tích 800m^2 (một phần thửa số 172) có xác nhận của Trưởng ấp D, xã M. Sau đó, bà V và Đoàn Văn T1 thuê nhân công đào ao diện tích khoảng 350m^2 nuôi cá, lấy đất để đắp nền diện tích khoảng 250m^2 cất nhà cấp 4 ở đến nay. Đồng thời lên liếp diện tích khoảng 250m^2 để trồng cây. Khuôn viên đất của bà V đã làm hàng rào, ranh giới giữa đất của bà V và các bên cũng được xác định. Phần ranh đất với ông Đoàn Văn H do ông H rào, không có tranh chấp.

Tháng 9/2023 bà V đi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (con bà V là Đoàn Văn T1 bị bệnh tâm thần, đang điều trị tại Trung tâm Bảo trợ Xã hội tỉnh L) bà V mới biết là thửa đất số 172 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đoàn Văn X. Năm 2010 cha chồng bà V chuyển quyền cho ông Đoàn Văn T2 (ông T2 là em ruột ông Đoàn Văn T). Ông Đoàn Văn T2 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 684276. Năm 2011 ông Đoàn Văn T2 chuyển quyền cho ông Đoàn Văn H (ông H là em ruột của ông Đoàn Văn T2 và ông Đoàn Văn T). Ông Đoàn Văn H được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 333032 ngày 25/6/2012.

Bà Nguyễn Thị Thu V đề nghị Tòa án xem xét giải quyết như sau: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đoàn Văn H số BH 333032, ngày 25/6/2012, thửa đất số 172, diện tích 1.521m^2, đất trồng lúa, tọa lạc ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà V một phần thửa đất số 172 theo thực tế sử dụng.

Người bị kiệnỦy ban nhân dân huyện T có ý kiến tại Công văn số 8105/UBND-NC ngày 20/12/2023:

Theo Báo cáo số 1493/BC-TNMT ngày 14/12/2023 của Phòng T3 về việc phúc đáp Thông báo số 1493/2023/TLST-HC ngày 22/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, Ủy ban nhân dân huyện T có ý kiến như sau:

1. Đối với người khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 25/6/2012 cho ông Đoàn Văn H thửa đất số 172, diện tích 1521m^2, đất tọa lạc ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An, căn cứ hồ sơ đã được cung cấp, Ủy ban nhân dân huyện T đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn gốc, diễn biến thửa đất số 172, tờ bản đồ số 01, diện tích 1521m^2, đất tọa lạc ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Ngày 06/11/1995, ông Đoàn Văn X có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có thửa đất số 172, tờ bản đồ số 01, diện tích 1602m^2, loại đất lúa, đất tọa lạc ấp D, xã M. Ngày 20/12/1996, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 058815 cho ông Đoàn Văn X trong đó có thửa đất nêu trên.

Ngày 12/3/2010, đính chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 058815 thửa đất số 172, diện tích 1602m^2 sang diện tích 1521m^2 đất trồng lúa. Lý do: đính chính diện tích theo sổ bộ quản lý.

Ngày 18/3/2010, ông Đoàn Văn X cùng bà Huỳnh Thị S1 lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Đoàn Văn T2 trong đó có thửa đất số 172, tờ bản đồ số 01, diện tích 1521m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, đất tọa lạc tại ấp D, xã M. Ngày 08/4/2010, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 684276 cho ông Đoàn Văn T2 thửa đất nêu trên, quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đoàn Văn T2 theo trích lục bản đồ địa chính, không đo đạc thực tế.

Ngày 08/02/2011, ông Đoàn Văn T2 lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Đoàn Văn H thửa đất số 172, tờ bản đồ số 01, diện tích 1521m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước. Ngày 15/02/2011, chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 684276 sang tên ông Đoàn Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quá trình chỉnh lý sang tên ông Đoàn Văn H theo trích lục bản đồ địa chính, không đo đạc thực tế.

Ngày 11/6/2012, ông Đoàn Văn H có đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 684276. Ngày 25/6/2012, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 333032 cho ông Đoàn Văn H thửa đất số 172, tờ bản đồ số 01, diện tích 1521m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn H do ông Nguyễn Thanh H2 đại diện trình bày tại Biên bản kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ ngày 29/02/2024:

Đề nghị bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V. Giấy sang nhượng đất do bà Thu V cung cấp không có giá trị pháp lý. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2024/HC-ST ngày 20/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V đối với Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long Anvề việc "Hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai".

1.1.Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 333032 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp cho ông Đoàn Văn H ngày 25/6/2012 đối với thửa đất số 172, diện tích 1.521m^2, đất tọa lạc tại ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

1.2. Buộc cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật đối với trường hợp của bà Nguyễn Thị Thu V.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/3/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đoàn Văn H kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đoàn Văn H vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà V vì UBND huyện T cấp GCNQSDĐ cho ông H đối với thửa đất số 172, tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An là đúng quy định của pháp luật.

Người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Thu V (có ông Huỳnh Thanh N đại diện theo ủy quyền) không đồng ý kháng cáo của ông H, yêu cầu Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ những quy định pháp luật tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xử có căn cứ, đúng quy

định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ, người bị kiện vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt đương sự này.

[2] Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện nguồn gốc phần đất, và quá trình Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 172, tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An như sau:

Ngày 20/12/1996 Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 058815 ngày 20/12/1996 đối với thửa đất số 172, tờ bản đồ số 01, diện tích 1602m^2, loại đất lúa tọa lạc ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An cho ông Đoàn Văn X. Ngày 12/3/2010, Ủy ban nhân dân huyện T đính chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên với nội dung thửa đất số 172, diện tích 1602m^2 sang diện tích 1521m^2 đất trồng lúa. Lý do: Đính chính diện tích theo sổ bộ quản lý.

Ngày 18/3/2010, ông Đoàn Văn X cùng bà Huỳnh Thị S1 lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Đoàn Văn T2 trong đó có thửa đất số 172, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.521m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, đất tọa lạc tại ấp D, xã M. Ngày 08/4/2010, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 684276 cho ông Đoàn Văn T2 thửa đất nêu trên. Ngày 08/02/2011, ông Đoàn Văn T2 lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Đoàn Văn H thửa đất số 172, tờ bản đồ số 01, diện tích 1521m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, được chỉnh lý sang tên ông Đoàn Văn H trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/02/2011. Ngày 11/6/2012, ông Đoàn Văn H có đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 684276. Ngày 25/6/2012, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 333032 cho ông Đoàn Văn H thửa đất số 172, tờ bản đồ số 01, diện tích 1521m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước.

[3] Theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 24/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An thì trên một phần thửa đất số 172, tờ bản đồ số 1 tại ấp D, xã M là một căn nhà cấp 4, mái tole, tường gạch chưa tô, nền gạch men do bà Thu

V xây cất khoảng năm 2006 sau khi ông T chết. Ngoài ra, trên đất bà V và ông T1 còn đào ao nuôi cá, lên liếp trồng cây ăn trái, đất có khuôn viên rõ ràng. Ranh đất ba bên bà V có làm hàng rào, ranh giới giữa đất của bà V và của ông Đoàn Văn H do ông H rào bằng lưới B40. Hai bên sử dụng ổn định, không có tranh chấp.

[4] Tại văn bản số 8105/UBND-NC ngày 20/12/2023 Ủy ban nhân dân huyện T trình bày: Quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T2, và quá trình chỉnh lý sang tên trên giấy chứng nhận cho ông H là cấp theo trích lục bản đồ địa chính, không đo đạc thực tế.

[5] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trên thì phần đất thuộc thửa 172 thuộc quyền sử dụng của ông X; Ngày 18/3/2010, ông X, bà S1 đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông T2, nhưng thời điểm này bà Thu V, ông T1 đã cất nhà ở trên đất. Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 684276 cho ông T2, nhưng không kiểm tra thực tế, không xác minh việc bà Thu V và ông T1 đang quản lý sử dụng đất. Từ đó, dẫn đến việc ông T2 tặng cho quyền sử dụng đất cho ông H (căn cứ vào giấy chứng nhận số BA 684276), và sau đó ông H xin cấp đổi thành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 333032 ngày 25/6/2012 cho ông H thửa đất số 172, tờ bản đồ số 01 là không đảm bảo về việc cấp đúng đối tượng sử dụng đất. Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 333032 ngày 25/6/2012 cấp cho ông H là có căn cứ.

[6] Bà V cho rằng ông X đã tặng cho ông T1 (con bà V) một phần thửa 172 có diện tích 800m^2 theo "Giấy cho đất ở" có xác nhận của Trưởng ấp D, xã M ngày 09/02/2006, nên yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà V đối với một phần thửa 72.

Xét, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cho ông H đối với thửa 172 được xác định là không đúng quy định pháp luật, do trên đất có một phần diện tích do người khác đang quản lý, sử dụng. Nhưng để xác định bà V có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất trên thì cần phải xem xét việc tặng cho từ ông X sang ông T1 (theo "Giấy cho đất ở" ngày 09/02/2006) có được công nhận theo quy định pháp luật. Mặt khác, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà V sẽ liên quan đến các giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất từ ông X sang ông T2, từ ông T2 sang ông H, và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước đây đã cấp cho ông X, ông T2. Do đó, trong phạm vi vụ án này chưa đủ căn cứ để xác định bà V đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối một phần thửa 172 hay không. Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm buộc cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, công vụ

theo quy định của pháp luật đối với trường hợp của bà V là không đảm bảo cho việc thi hành án. Do đó, Hội đồng xét xử điều chỉnh phần nội dung quyết định này của Bản án sơ thẩm.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, nhưng có điều chỉnh phần quyết định theo nội dung nhận định trên.

[8] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người có kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính,

B yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đoàn Văn H; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 31/2024/HC-ST ngày 20/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, nhưng có điều chỉnh một phần quyết định;

Áp dụng Điều 100, Điều 101 và điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 333032 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long Ancấp cho ông Đoàn Văn H ngày 25/6/2012 đối với thửa đất số 172, diện tích 1.521m^2, đất tọa lạc tại ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

- Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Thu V có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất thì cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật đối với trường hợp của bà Nguyễn Thị Thu V.

2/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/ Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đoàn Văn H phải chịu 300.000

đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000242 ngày 28/3/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao (1);
– VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
– TAND tỉnh Long An (1);
– VKSND tỉnh Long An (1);
– Cục THADS tỉnh Long An (1);
– Các đương sự (3);
– Lưu: hồ sơ vụ án (1), VP (5), 14b (PPC);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Nhựt Bình